

#### 4. Có thể tham khảo những gợi ý sau :

– Trong bức tranh ấy nổi lên trên nền cảnh rừng đêm giá rét là ba hình ảnh gắn kết với nhau : người lính, khẩu súng, vầng trăng. Trong cảnh *rừng hoang sương muối*, những người lính đứng bên nhau, chờ giặc. Sức mạnh của tình đồng đội đã giúp họ vượt lên tất cả những khắc nghiệt của thời tiết và mọi gian khổ, thiếu thốn. Người lính trong cảnh phục kích giặc giữa rừng khuya còn có một người bạn nữa, đó là vầng trăng. "*Đầu súng trăng treo*", ngoài hình ảnh, bốn chữ này còn có nhịp điệu như nhịp lắc của một cái gì lơ lửng, chông chênh trong sự bất ngát. Nó nói lên cái gì lơ lửng ở rất xa chứ không phải là buộc chặt, suốt đêm vầng trăng ở bầu trời cao xuống thấp dần và có lúc như treo lơ lửng trên đầu mũi súng. Những đêm phục kích chờ giặc, vầng trăng đối với chúng tôi như một người bạn". (*Theo Chính Hữu, Một vài kỉ niệm nhỏ về bài thơ "Đồng chí"*)

– Hình ảnh "đầu súng trăng treo" còn mang ý nghĩa biểu tượng, gợi ra những liên tưởng phong phú, súng và trăng là gần và xa, thực tại và mơ mộng, chất chiến đấu và chất trữ tình, chiến sĩ và thi sĩ.

# BÀI THƠ VỀ TIẾU ĐỘI XE KHÔNG KÍNH

## ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN

### *Bài tập*

1. Em có nhận xét gì về nhan đề (tên gọi) tác phẩm *Bài thơ về tiểu đội xe không kính*?
2. Phân tích khổ thứ hai của bài thơ để thấy rõ tác giả miêu tả rất cụ thể và sinh động cảm giác của người lái xe trên chiếc xe không kính.
3. Ngôn ngữ và giọng điệu của *Bài thơ về tiểu đội xe không kính* có đặc điểm gì nổi bật? Ngôn ngữ và giọng điệu ấy đã có tác dụng như thế nào trong việc khắc hoạ hình ảnh những chiến sĩ lái xe trên tuyến đường Trường Sơn?
4. Câu 4, trang 133, SGK.

## *Gợi ý làm bài*

1. Nhan đề bài thơ có hai điểm đáng chú ý :

– Hình ảnh rất độc đáo : những chiếc xe không kính.

– Từ "bài thơ" trong nhan đề có vẻ như thừa. Nhưng thực ra từ đó lại nằm trong chủ định của tác giả và tạo nên một liên kết giữa hai điều có vẻ xa lạ với nhau : "bài thơ" và "xe không kính". Những chiếc xe không kính tưởng như chẳng có gì nên thơ, vậy mà ở đây tác giả lại sáng tạo được một bài thơ về tiểu đội xe không kính. Nhà thơ đã tìm ra chất thơ ở những điều tưởng chừng rất khô khan, trần trụi – đó chính là chất thơ từ hiện thực gian khổ, ác liệt ở nơi chiến trường.

2. Khổ thơ đã miêu tả cụ thể và chính xác cảm giác của người lái xe trên chiếc xe không kính. Không còn kính chắn gió, người lái xe tiếp xúc trực tiếp với ngoại cảnh và mọi cảm giác đều trở nên mạnh hơn, nhanh hơn (*gió vào xoa mắt đắng, con đường chạy thẳng vào tim*). Khổ thơ diễn tả được cảm giác về tốc độ trên chiếc xe đang lao nhanh, nên cả trời sao và cánh chim cũng "như sa, như ùa" vào buồng lái.

3. Ngôn ngữ của bài thơ gần với lời nói thường, mang tính khẩu ngữ, tự nhiên, sinh động và khoẻ khoắn. (Em tìm nêu những câu thơ gần như câu nói thường, những từ mang tính khẩu ngữ.)

Giọng tự nhiên, trẻ trung, có vẻ tinh nghịch pha một chút ngang tàng. Ngôn ngữ và giọng điệu ấy rất phù hợp với việc khắc hoạ hình ảnh những chiến sĩ lái xe trẻ trung, hiên ngang, bất chấp nguy hiểm, khó khăn.

4. – Nêu cảm nghĩ về thế hệ trẻ thời kì kháng chiến chống Mĩ qua hình ảnh những người lính lái xe qua bài thơ. Cần chú ý những điểm nổi bật ở họ : tư thế ung dung, chủ động, tinh thần coi thường mọi khó khăn, thiếu thốn, hiểm nguy, ý chí chiến đấu vì thống nhất Tổ quốc. Không cần phân tích đầy đủ hình ảnh người lính lái xe mà cần nêu cảm nghĩ thành thực của mình về hình ảnh ấy.

– So sánh hai hình ảnh người lính cần chú ý sự khác biệt của hai giai đoạn lịch sử (kháng chiến chống Pháp và chống Mĩ) ; nhiệm vụ khác nhau của mỗi người lính (lính bộ binh và lính lái xe) ; chủ đích của tác giả (một bên là ngợi ca tình đồng chí đồng đội, một bên là khắc hoạ vẻ đẹp hiên ngang của người lính lái xe). Nhưng hai hình ảnh người lính vẫn có điểm chung của người lính cách mạng : lí tưởng chiến đấu cao cả, ý chí vượt lên mọi khó khăn thiếu thốn, gian khổ, tinh thần lạc quan, tình đồng đội.

## TỔNG KẾT VỀ TỪ VỰNG (tiếp theo)

### *Bài tập*

#### I – SỰ PHÁT TRIỂN CỦA TỪ VỰNG

1. Bài tập 2, trang 135, SGK.
2. Bài tập 3, trang 135, SGK.

#### II – TỪ MƯỢN

1. Bài tập 2, trang 135 – 136, SGK.
2. Bài tập 3\*, trang 136, SGK.

#### III – TỪ HÁN VIỆT

Bài tập 2, trang 136, SGK.

#### IV – THUẬT NGỮ VÀ BIỆT NGỮ XÃ HỘI

1. Bài tập 2, trang 136, SGK.
2. Bài tập 3, trang 136, SGK.
3. Hãy kể một số thuật ngữ là từ mượn nước ngoài, từ Hán Việt đang được sử dụng trong công nghệ thông tin mà em biết.
4. Hãy nêu một số ví dụ về tiếng lóng trong nghề buôn bán với tư cách là biệt ngữ xã hội.

#### V – TRAU ĐỒI VỐN TỪ

1. Bài tập 2, trang 136, SGK.
2. Bài tập 3, trang 136, SGK.

### *Gợi ý làm bài*

#### I – SỰ PHÁT TRIỂN CỦA TỪ VỰNG

1. – Phát triển từ vựng bằng hình thức phát triển nghĩa của từ : (dưa) chuột, (con) chuột (một bộ phận của máy tính),...
  - Phát triển từ vựng bằng hình thức tăng số lượng các từ ngữ :
    - + Tạo thêm từ ngữ mới : *rừng phòng hộ, sách đỏ, tiền khả thi,...*
    - + Mượn từ ngữ của tiếng nước ngoài : *in-tơ-nét, cô-ta, (bệnh dịch) SARS,...*Dựa vào những gợi ý trên, em tìm thêm những từ ngữ khác.